**BẢNG BÁO GIÁ**

Ngày: …./…/ 20...

Số: H2110 /DL.HN/01

**Kính gửi: QUÝ KHÁCH HÀNG**

**Tel:**

**Mail:**

**DỰ ÁN:**

**Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật VIỆT NGUYỄN** xin trân trọng gởi đến **Quý khách hàng** bảng báo giá các thiết bị như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã/**  **Code** | **TÊN THIẾT BỊ**  **/ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT** | **SL** | **ĐVT** | **ĐƠN GIÁ**  **(VNĐ)** | **THÀNH TIỀN**  **(VNĐ)** | |
| **1** | **N500** | **Thiết bị quang phổ cận hồng ngoại (FT-NIR)**  **Model: N500**  **Hãng sản xuất: Buchi – Thụy Sĩ**  **Xuất xứ: Thụy Sĩ**  **1. Tính năng kỹ thuật:**   * Máy quang phổ cận hồng ngoại FT-NIR N-500 hãng Buchi sử dụng bộ giao thoa công nghệ phân cực và biến đổi Fourier đảm bảo hoạt động bền bỉ cùng một hiệu suất vượt trội trong các điều kiện môi trường khác nhau từ phòng thí nghiệm đến nhà kho. * Quang phổ cung cấp các kết quả phân tích đáng tin cậy phục vụ công tác kiểm soát chất lượng cũng như công tác nghiên cứu và phát triển trong ngành dược phẩm, hóa chất, thực phẩm, đồ uống và thức ăn chăn nuôi… * NIRFlex N-500 cung cấp vi rộng các phụ kiện đo cho các loại mẫu khác nhau và dữ liệu đường chuẩn, ứng dụng trong nhiều lĩnh vực để thiết bị đạt được hiệu suất hoạt động cao nhất. * Với nhiều năm kinh nghiệm trong việc phát triển ứng dụng trên các dòng máy FT-NIR, hãng đã xây dựng cơ sở dữ liệu đường chuẩn cho hàng chục ứng dụng khác nhau trong hầu hết các lĩnh vực: thực phẩn, thưc ăn chăn nuôi, sữa, sản phẩm trên dây chuyền sản xuất… để cung cấp cho khách hàng giải pháp trọn gói. * Tin cậy và linh hoạt: Cho kết quả rõ ràng và chính xác với những phụ kiện có thể thay đổi linh hoạt, đáp ứng cho nhiều mục đích sử dụng. * Nhanh, an toàn và dễ dàng: Phân tích nhanh cho ra kết quả đồng thời nhiều chỉ tiêu trong vài giây mà không cần xử lý hay hóa chất. Dễ dàng sử dụng ứng dụng đã xây dựng cho các thiết bị NIR khác của BUCHI * Hiệu quả cao: Hệ thống trang bị 2 đèn nguồn lên đến 6000x2 giờ sử dụng, với 1 đèn dự phòng. Trong trường hợp 1 đèn gặp sự cố, hệ thống sẽ tự động chuyển đổi để thiết bị có thể hoạt động liên tục (24/7).   **2. Thông số kỹ thuật:**   * Bộ thiết bị gồm thiết bị NIRFlex N-500 cơ bản phân tích cho cho mẫu lỏng. * Dãi phổ: 12.500 – 4.000 cm-1(800-2500nm) * Độ phân giải: 8 cm-1 * Bộ giao thoa: * Giao thoa kế phân cực có nêm bằng TeO2 * Độ chính xác bước sóng: ± 0,2 cm-1 * Tỉ lệ tín hiệu/nhiễu (S/N): 10.000 * Số lần quét/giây: 2-4 lần/giây * Đèn nguồn sáng : 2 đèn Tungsten halogen * Đèn laser: 12 VDC HeNe, bước sóng 632.992 nm * Thời gian sử dụng nguồn sáng : 12.000 giời (6000x2) * Bộ chuyển đổi kỹ thuật số tương tự : 24 bit * Đầu dò: InGaAs thang đo mở rộng được điều khiển nhiệt độ. * Kích thước: 300 x 250 x 450 mm * Nguồn điện: 100 - 230 VAC ±10%, 50/60Hz, 350W * Nhiệt độ hoạt động 5-350C * Kết nối: Ethernet 100 Mbit/s   **2.2 Phần mềm NIRCal 5.1 Chemometric CD bản quyền**   * NIRCal cho phép phát triển đường chuẩn định tính và định lượng. Bao gồm những thuật toán Chemometric như: MLR MLR,PCA, PCR, PLS, phân tích Cluster và SIMCA. * Nhiều kết quả tiền ứng dụng có sẵn * NIRCal sử dụng cùng kho dữ liệu với NIRWare có sẵn. Đi kèm bản quyền phần mềm.   **2.3 Phụ kiện cho phân tích mẫu lỏng**   * Phụ kiện đo phản xạ truyền suốt cho N-500 cho các mẫu dạng lỏng. Dễ dàng sử dụng với N-500 solid để đo các mẫu lỏng như dầu, sữa,…   **2.4 Máy tính - máy in**  (Mua nhà cung cấp tại Việt Nam)   * Máy tính: cấu hình tối thiểu CPU Intel Core I5, Ram ≥ 4GB; HDD ≥ 320 Gbyte, DVD-RW, Màn hình LCD ≥ 17”; phần mềm cơ bản: Microsoft Windows 7 * Máy in laze: cấu hình tối thiểu Tốc độ ≥18 trang/phút; RAM: ≥32MB; độ phân giải: ≥ 600 dpi; A4   **3. Cung cấp bao gồm:**   * Thân máy chính NIRFlex N-500 * 01 cell đo mẫu lỏng * Phụ kiện cho cuvet 1/2/5mm * 06 cuvet 2 mm cho cell đo mẫu lỏng * 01 bộ phụ kiện cho vial 8mm mẫu lỏng * 01 cáp nối chính * 01 cáp ethernet * 01 đĩa CD cài đặt phần mềm * 01 License phần mềm * Máy tính – máy in * Bộ 02 thư viện đường chuẩn cho: * Dầu và mỡ dùng lọ đo mẫu (vial) (dầu thực vật, mỡ lợn, bơ cacao) với các thông số: Trị số iod, (Iodine Value), trị số acid béo tự do (FFA [% Oleic acid]), trị số peroxit (Peroxyde Value.) Chuẩn bị mẫu: đun chảy mẫu ở 50°C * Dầu và chất béo dùng cuvet với các thông số: trị số peroxit, trị số Anisidine, phân đoạn phân cực (Polar Fraction), trị số Triglycerid và trị số Axit. Chuẩn bị mẫu: đun chảy mẫu ở 50°C * Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh – tiếng Việt   **4.2 Bảo hành và bảo trì:**   * Thiết bị mới 100%, được bảo hành 12 tháng máy chính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (định kỳ 06 tháng/ lần) * Khi thiết bị có sự cố cán bộ kỹ thuật của chúng tôi sẽ có mặt kiểm tra thiết bị trong vòng 24~48 giờ để tiến hành giải quyết * Đảm bảo cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật khi của Quý Khách hàng có yêu cầu trong thời hạn ít nhất 07 năm. * Công ty chúng tôi có một đội ngũ cán bộ kỹ thuật đã được đào tạo tại chính hãng sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của của Quý Khách Hàng | **01** | **Bộ** |  |  | |
| **Tổng** | | | | | | |  |
| **Thuế VAT 10%** | | | | | | | **Bao gồm** |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |
| **Bằng chữ:** | | | | | | | |

**ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI:**

*Giá trên đã bao gồm tiền hàng, thuế nhập khẩu, thuế VAT, chi phí vận chuyển, bàn giao, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì.*

1. **Tiêu chuẩn và chất lượng:** Thiết bị mới 100% , nguyên đai, nguyên kiện – theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
2. **Giao hàng và cung cấp dịch vụ:**

**2.1. Thời gian giao hàng:** Trong vòng 12 – 14 tuần kể từ ngày ký hợp đồng hoặc xác nhận đặt hàng và bên bán nhận đủ tiền thanh toán đợt 1.

**2.2. Địa điểm giao hàng:** Phòng thí nghiệm của chủ đầu tư.

**2.3. Lắp đặt, đào tạo sử dụng:** Tại địa điểm đã nêu của mục 2.2 *(Phòng thí nghiệm đáp ứng điều kiện lắp đặt của nhà sản xuất và người sử dụng thiết bị có chuyên môn phù hợp).*

**3. Dịch vụ sau bán hàng:**

**3.1. Bảo hành:**

* Thời gian bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu (nhưng không quá 13 tháng kể từ ngày thông báo giao hàng).
* Chế độ bảo hành không áp dụng đối với những lỗi do người sử dụng gây ra, phụ kiện, đồ thuỷ tinh, vật tư tiêu hao…
* **Trung tâm Bảo hành:**
* **Tại HCM:** Số N36, Đường số 11 - Tân Thới Nhất 17, Khu phố 4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. HCM

Tel: 028.66 570570 – Mail: [service@vietnguyenco.vn](mailto:service@vietnguyenco.vn) – Hotline: 0888. 663300

* **Tại HN:** Số 138 Đ. Phúc Diễn, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 024. 32 009276 – Mail: [service@vietnguyenco.vn](mailto:service@vietnguyenco.vn) – Hotline: 0888. 663300

* **Tại Đà Nẵng:** Số 59 Đ. Phạm Tư, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng

Tel: 023.66 566570 – Mail: [service@vietnguyenco.vn](mailto:service@vietnguyenco.vn) – Hotline: 0888. 663300

**3.2. Địa điểm bảo hành:** Tại địa điểm đã nêu của mục 2.2

**3.3. Bảo trì:** Theo tiêu chuẩn/khuyến cáo của hãng sản xuất, thực hiện tại địa điểm đã nêu của mục 2.2

**4. Thanh toán:**

**4.1. Hình thức thanh toán**: Chuyển khoản theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại Thương tại thời điểm thanh toán.

**4.2. Tiến độ thanh toán:** Thanh toán làm 2 đợt

**Đợt 1:** 50% giá trị hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc xác nhận đặt hàng.

**Đợt 2:** 50% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 5 ngày, kể từ có thông báo giao hàng và trước khi giao hàng.

**4.3. Tài khoản thanh toán:**

* Số tài khoản thụ hưởng: 041 0101 0022 700
* Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank) chi nhánh Sài Gòn
* Đơn vị thụ hưởng: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Việt Nguyễn
* MST: 0 3 1 1 4 6 2 3 3 5

**5. Thời hạn báo giá:** Phiếu báo giá có giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên;

**Rất mong được sự xem xét và ủng hộ của Quý khách hàng!**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mọi thông tin xin liên hệ:**   * ***Lương Trung Hiếu (Mr)*** * ***H/p:*** *0817 66 3300* * ***Fax:*** *(028). 35 951053* * ***Mail:****hieu@vietnguyenco.com* | **KHÁCH HÀNG XÁC NHẬN ĐẶT HÀNG**  (Ký tên, đóng dấu) |